

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Tám và ông Đoàn Văn Đoàn

Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1969; thôn N1, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn N1, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 01 năm 2023 và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là ông Ngô Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông kết hôn với bà Vũ Thị L trên cơ sở được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào ngày 14/11/1989. Sau ngày cưới, bà L về làm dâu ngay. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến khoảng năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông bà không có biện pháp hàn gắn, thường xuyên xảy ra va chạm, xúc phạm lẫn nhau. Từ năm 2021 đến nay do không muốn va chạm với bà L nên ông đi làm xa, mỗi lần về ông tránh gặp bà L, bà L nghi ngờ ông có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác. Nay tuy sống chung nhà nhưng ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà L.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Ông M xác định có 01 con chung là Ngô Văn K, sinh năm 1990. Hiện anh K đã trưởng thành, kết hôn nên ông không đề nghị giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian chung sống như ông M trình bày là đúng. Hiện nay ông bà đã già, bà thường xuyên đau yếu phải đi điều trị tại các cơ sở y tế (bà mắc nhiều bệnh u xơ tử cung, u thực quản, dạ dày, u nổi khắp cơ thể và nhiều bệnh khác), rất cần quan tâm chăm sóc của ông M. Việc trước đây bà nói nhiều, xúc phạm, nghi ngờ ông M có quan hệ nam nữ là do bà không tế nhị trong cuộc sống, cũng một phần do bà bị ốm không đáp ứng được đầy đủ nhu cầu sinh lý của ông M, tâm tính có lúc thay đổi, nóng giận, có lúc nổi cáu và ghen vô cớ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án và hòa giải bà đã nhận ra thiếu sót và xin lỗi ông M. Bà vẫn có trách nhiệm, nghĩa vụ với gia đình và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận đơn xin ly hôn của ông M để ông bà tiếp tục chung sống với nhau.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Bà L xác định có 01 con chung như ông M trình bày. Hiện nay anh K đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn M đối với bà Vũ Thị L; ông M phải nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Ngô Văn M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Vũ Thị L. Ông M, bà L đều cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Vũ Thị L vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Văn M và bà Vũ Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2017, ông bà phát sinh mâu thuẫn do bà L sức khỏe yếu, mắc nhiều bệnh (u xơ tử cung, u thực quản, dạ dày,...) dẫn đến nói nhiều, tâm tính có lúc thay đổi, nóng giận, hay nổi cáu và ghen vô cớ. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đã nhận ra hạn chế và cam kết thay đổi. Tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc,*

giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Mặt khác vợ chồng kết hôn dựa trên nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại khoản 3 Điều 2 Luật hôn nhân và gia đình: “3. *Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; ...*”. Hiện nay bà L mắc nhiều bệnh, rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ của ông M và gia đình để bà ổn định tâm lý, suy nghĩ tích cực, yên tâm điều trị bệnh. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định bà vẫn còn tình cảm và tha thiết xin đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông M và bà L chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn để vợ chồng về đoàn tụ nên việc ông M xin ly hôn là không có căn cứ và không được chấp nhận.

[4]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Ngô Văn M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử.

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Ngô Văn M đối với bà Vũ Thị L.

2. Ông Ngô Văn M phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001551 ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ông M đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu